TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-10-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Minh.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hường là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 10 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị M, sinh năm 1972 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Việt K, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Phan Thị M trình bày: Bà và ông Đặng Việt K tự nguyện thành hôn vào năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp nhau và không tự giải quyết được nên bà yêu cầu ly hôn với ông K.

Thời gian chung sống, bà và ông K có 02 con chung tên Đặng Bích N, sinh năm 1991 và Đặng Chí N1, sinh năm 1993. Các con đã thành niên, nên không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đặt ra yêu cầu.

Do điều kiện công việc, bà đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Đối với ông Đặng Việt K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của bà Phan Thị M được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Phan Thị M có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt và ông Đặng Việt K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông K được xác lập vào năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Do quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông K không đăng ký theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà M và ông K là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà M và ông K có 02 con chung đã thành niên, bà M không đặt ra yêu cầu, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có và không yêu cầu; ông K không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung; nên không xem xét giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác nếu có tranh chấp theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí bà M đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị M và ông Đặng Việt K là vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà Phan Thị M phải chịu 300.000 đồng, bà M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006934 ngày 23/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Việt Xô